

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 18-4-2025

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Đinh Tiền Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 157/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê Văn H, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị M, bị đơn.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H trình bày: năm 1982, ông và bà Nguyễn Thị M kết hôn. Năm 2002, vợ chồng đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30-12-2002. Quá trình chung sống vợ chồng

hạnh phúc được thời gian đầu. Về sau, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc bà M sử dụng tiền bạc không rõ ràng. Vợ chồng gặp nhau là cãi vã, không thể chung sống hòa thuận. Trong những lần gây cãi, do tức giận, ông có đánh bà M. Từ năm 2023 đến nay, bà M dọn đi nơi khác sinh sống, vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà M.

Về nuôi con chung: ông và bà M có 07 con chung là Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1983, Lê Minh N, sinh năm 1987, Lê Thị Kiều V, sinh năm 1985, Lê Thị Vân K, sinh năm 1990, Lê Thanh T, sinh năm 1993, Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1995, Lê Minh C, sinh năm 1996. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: bà thống nhất lời trình bày của ông H về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và con chung. Quá trình chung sống, ông H thường xuyên đánh bà, gây thương tích. Thời gian gần đây bà phát hiện ông H có quan hệ tình cảm với người khác. Do ông H thường xuyên đánh bà, bà không thể chịu đựng chung sống với ông H nên dọn qua nhà của người cháu sinh sống từ năm 2023 cho đến nay. Ông H cho rằng bà lấy tiền của gia đình, mượn tiền, gây nợ là hoàn toàn không đúng sự thật. Vợ chồng hiện đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành, nếu không thể sống chung thì cứ sống như hiện nay, bà không đồng ý ly hôn với ông H.

Về nuôi con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 157/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị M không còn là vợ chồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, bà Nguyễn Thị M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo cho rằng, giữa bà và ông H hiện đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành, nếu không thể sống chung thì cứ sống như hiện nay. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Nguyên đơn ông Lê Văn H cho rằng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm cho ông được ly hôn với bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa có ý kiến nhận xét về thủ tục giải quyết vụ án đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị M kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2002. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định hôn nhân giữa ông H và bà M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà M phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây cãi. Trong những lần gây cãi, do tính nóng, ông tức giận có đánh bà M. Sự việc đã kéo dài một thời gian, nay vợ chồng đã lớn tuổi, ông không muốn tình trạng này cứ tiếp diễn. Vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn để quay về chung sống nhưng tình trạng trên không cải thiện. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà M không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà M.

Bà M xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên gây cãi, ông H nhiều lần đánh bà. Từ năm 2023 đến nay do không thể tiếp tục chịu đựng, bà đã dọn đi nơi khác sinh sống. Bà không đồng ý ly hôn với ông H vì hiện các con đã trưởng thành, vợ chồng đã lớn tuổi, vợ chồng cứ duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện tại, không cần thiết phải ly hôn.

Qua đó thấy rằng, hôn nhân giữa ông H và bà M thực sự không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H và bà M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, cả ông H và bà M không tìm được phương án nào để vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ những phân tích trên, kháng cáo của bà Nguyễn Thị M là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bà M kháng cáo yêu cầu Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn H vì cho rằng vợ chồng hiện đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành. Trong khi đó, ông H vẫn cương quyết xin ly hôn vì ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông với bà M đã có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, gây gổ

nhau khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được nên ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Thấy rằng, hôn nhân giữa ông H và bà M phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng mâu thuẫn trong chuyện tình cảm và tiền bạc, kể từ năm 2023 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung và không quan tâm đến nhau nữa nên tình trạng hôn nhân được xác định là: “*Không có tình nghĩa vợ chồng*” theo qui định tại điểm a, khoản 3, Điều 4, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác, bà M trình bày rằng, trong thời gian vợ chồng ly thân bà phát hiện ông H có quan hệ tình cảm với người khác, ông H không thừa nhận và chưa có sơ sở để xác định sự việc nhưng điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Trước Tòa, bà M không đồng ý ly hôn vì giữa bà và ông H đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành, nếu không thể sống chung thì cứ sống như hiện nay chứ thật sự bà cũng không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng. Trong khi đó, ông H vẫn kiên quyết ly hôn nên khả năng đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc khó có thể thực hiện được. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà M là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M;

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 157/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 5, 28, 37, 39, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho ông Lê Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- TAND huyện Cần Giuộc (1);
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Dũng